

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hỗ trợ, cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi vay vốn
của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN, ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND, ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh về việc thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 16/TTr-SKH&CN ngày 24/02/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hỗ trợ, cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi vay vốn của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19/3/2017.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (đề b/c);
- Vụ Pháp chế-Bộ KH&CN;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Website tỉnh;
- Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, KGVX (T.50).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Hỗ trợ, cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi vay vốn
của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số : 09 /2017/QĐ-UBND, ngày 09 /3 /2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định việc hỗ trợ, cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi vay bằng đồng Việt Nam của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Quỹ) đối với các nhiệm vụ, đề tài, dự án (sau đây viết tắt là dự án) nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ; chuyển giao công nghệ; đổi mới, cải tiến công nghệ và phát triển ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng, nguyên tắc hỗ trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi vay

1. Đối tượng

Đối tượng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện dự án khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trường hợp đặc biệt thực hiện theo chỉ đạo bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Nguyên tắc chung

a) Đơn vị, cá nhân vay vốn phải đảm bảo đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp khoa học công nghệ.

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tài trợ, vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang được thực hiện bằng nguồn ngân sách Nhà nước.

c) Đối với các doanh nghiệp: phải có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

d) Ngoài việc phải đáp ứng các điều kiện chung, tương ứng với từng hình thức ưu đãi, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án phải đáp ứng các điều kiện cụ thể khác cho đầy đủ.

3. Các dự án được hưởng các hình thức ưu đãi từ Quỹ bao gồm hỗ trợ, vay vốn và hỗ trợ lãi vay vốn phải thực hiện theo quy định cụ thể đối với từng hình thức ưu đãi. Trường hợp được hưởng đồng thời 02 hình thức ưu đãi thì phải thỏa mãn điều kiện cả 02 hình thức đó nhưng chỉ lập chung 01 hồ sơ, thẩm định 01 lần và thực hiện bằng 01 hợp đồng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hỗ trợ* là hình thức hỗ trợ không hoàn lại một phần hoặc toàn bộ chi phí hỗ trợ cho thực hiện của dự án.

2. *Hỗ trợ lãi vay vốn* là hình thức hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ số lãi tiền vay ngân hàng đã được ngân hàng cho vay vốn để thực hiện dự án được Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt hỗ trợ.

3. *Hỗ trợ và cho vay ưu đãi* là hình thức hỗ trợ không hoàn lại một phần chi phí của dự án, phần nhu cầu vốn còn lại của dự án được cho vay với lãi suất ưu đãi.

4. *Lãi suất ưu đãi* là lãi suất cho vay theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ.

5. *Chủ đầu tư dự án* là tổ chức, cá nhân lập và triển khai thực hiện dự án.

6. *Cơ cấu lại thời gian trả nợ* là việc bên cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ vay đối với các khoản nợ vay của bên vay theo hai phương thức sau:

- *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ* là việc bên cho vay chấp nhận thay đổi kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi trong phạm vi thời gian cho vay đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng mà kỳ hạn cuối cùng không thay đổi.

- *Gia hạn nợ vay* là việc bên cho vay chấp nhận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng.

7. *Mức cho vay tối đa* là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà bên vay và bên cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

8. *Khả năng tài chính của bên vay* là khả năng về vốn, tài sản của bên vay để đảm bảo hoạt động thường xuyên và thực hiện các nghĩa vụ thanh toán.

9. *Vốn chủ sở hữu* là tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, bao gồm vốn bằng tiền, nhà xưởng, máy móc - thiết bị, nguyên vật liệu, các trái quyền.

10. Các thuật ngữ liên quan đến công nghệ được hiểu theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Công nghệ cao. Các thuật ngữ khác không giải thích tại Quy định này được hiểu theo quy định của bộ Luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng và các luật liên quan khác.

Chương II **QUY ĐỊNH HỖ TRỢ**

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các Khoản 1, 2 và 4 Điều 11 quy định này.

2. Chủ đầu tư dự án phải có khả năng tài chính đầy đủ thực hiện dự án cùng với vốn của Quỹ hỗ trợ hoặc cho vay ưu đãi.

3. Sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng hỗ trợ;

4. Trường hợp sử dụng vốn không đúng mục đích hoặc dự án không đạt mục tiêu đề ra, không thực hiện đúng tiến độ do yếu tố chủ quan của chủ dự án thì phải hoàn lại vốn cho Quỹ. Quá thời hạn hoàn vốn do Quỹ quy định mà chủ dự án không hoàn lại vốn, Quỹ báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, có thể khởi kiện ra tòa. *z*

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

Việc hỗ trợ áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này. Việc hỗ trợ thực hiện bằng Hợp đồng hỗ trợ sau khi Hội đồng Quản lý Quỹ có quyết định hỗ trợ.

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Nội dung

Các nội dung hỗ trợ phải phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và của Tỉnh tại thời điểm quyết định hỗ trợ.

2. Mức hỗ trợ

Hội đồng thẩm định hồ sơ đề xuất mức hỗ trợ đề Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định. Mức hỗ trợ cụ thể do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định theo nguyên tắc:

- Không quá 01 (một) tỷ đồng cho một dự án.
- Tổng kinh phí hỗ trợ không hoàn lại của các dự án không vượt quá 20% vốn hoạt động của Quỹ và không vượt quá phần vốn bổ sung cho Quỹ hàng năm theo quy định.

Điều 7. Thời gian hỗ trợ

Thời gian hỗ trợ cho từng dự án do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định dựa trên đề nghị của Hội đồng thẩm định và Cơ quan điều hành Quỹ tham mưu, nhưng tối đa không quá 60 (sáu mươi) tháng.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định việc hỗ trợ

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ:

- Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ trên 400 (bốn trăm) triệu đồng đến 01 (một) tỷ cho một nhiệm vụ, dự án;
- Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ không quá 400 (bốn trăm) triệu đồng cho một dự án.

Điều 9. Trình tự thực hiện hỗ trợ

Thực hiện như trình tự vay vốn quy định tại Điều 17 Quy định này.

Điều 10. Thực hiện giải ngân

1. Sau khi bên nhận hỗ trợ hoàn tất thủ tục ký Hợp đồng hỗ trợ và Giấy nhận hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành giải ngân khi bên vay cung cấp các tài liệu có liên quan.

2. Số lần giải ngân

a) Đối với dự án được hỗ trợ không quá 400 triệu đồng: giải ngân hai lần, lần thứ nhất không quá 70% vốn hỗ trợ, lần còn lại được giải ngân sau khi nghiệm thu dự án.

b) Đối với dự án được hỗ trợ trên 400 triệu đồng: giải ngân theo tiến độ thực hiện dự án nhưng không quá 3 lần, hai lần đầu không quá 80% vốn hỗ trợ, phần còn lại sau khi nghiệm thu dự án.

3. Việc giải ngân đợt cuối được căn cứ vào kết luận của Hội đồng nghiệm thu dự án.

4. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành giải ngân số tiền hỗ trợ theo quy định cụ thể tại Quyết định hỗ trợ và Hợp đồng hỗ trợ.

5. Tiền hỗ trợ được chuyển kịp thời cho đơn vị nhận hỗ trợ theo tiến độ sử dụng tiền hỗ trợ được quy định trong Quyết định hỗ trợ.

Chương III **QUY ĐỊNH CHO VAY ƯU ĐÃI**

Điều 11. Điều kiện cho vay ưu đãi

1. Tổ chức, cá nhân vay vốn phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật và phải thỏa mãn các nguyên tắc tại Khoản 2 Điều 2 Quy định này.

2. Dự án phải khả thi, đảm bảo khả năng hoàn trả nợ vay (cả gốc và lãi), được thẩm định, trình duyệt theo quy định và được Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Chủ đầu tư dự án phải có khả năng tài chính đảm bảo thực hiện được tối thiểu 30% giá trị dự án.

4. Tùy theo tính chất của dự án, việc cho vay ưu đãi được Hội đồng Quản lý Quỹ xét duyệt, lựa chọn công khai, dựa trên tiêu chí do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành và được thực hiện bằng hợp đồng tín dụng sau khi Hội đồng Quản lý Quỹ xét duyệt và có quyết định phê duyệt cho vay.

5. Căn cứ vào năng lực công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và hợp đồng sản phẩm đã có.

Điều 12. Nguyên tắc cho vay ưu đãi

1. Việc cho vay chỉ được thực hiện đối với các dự án khả thi, đảm bảo thu hồi vốn và phù hợp với mục đích của Quỹ.

2. Tổ chức, cá nhân vay vốn phải tuân thủ các quy định sau:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

b) Cam kết hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, trường hợp bên vay không thể trả nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan thì phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian trả nợ vay.

c) Phải thiết lập và cung cấp đầy đủ hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của Quỹ.

d) Phải tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác, tính trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp trong hồ sơ tín dụng.

Điều 13. Nội dung và mức cho vay ưu đãi

1. Nội dung cho vay ưu đãi

Quỹ chỉ cho vay để mua trang thiết bị, công nghệ, nguyên liệu, năng lượng phục vụ sản xuất. Tuyệt đối không được sử dụng nguồn vốn của Quỹ để xây dựng hạ tầng và công trình gắn với hạ tầng, dùng để trả chi phí nhân công và các khoản thuế, nghĩa vụ với Nhà nước.

a) Các nội dung chi phí sau đây được xem xét cho vay không lãi suất: Chi phí mua thiết bị công nghệ chủ yếu, thiết bị trực tiếp phục vụ làm ra sản phẩm của dự án; chi phí mua và chuyển giao công nghệ; nguyên vật liệu phục vụ vận hành thử dây chuyền công nghệ, sản xuất thử nghiệm. ✓

b) Các nội dung chi phí sau đây được xem xét cho vay ưu đãi: Chi phí mua máy móc thiết bị phụ trợ, chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất thương mại, chi phí năng lượng. Các chi phí này phải là chi phí trực tiếp cho sản phẩm của dự án.

2. Mức cho vay ưu đãi

Mức cho vay tối đa của một dự án là 70% tổng vốn đầu tư của dự án nhưng không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng.

Điều 14. Lãi suất cho vay ưu đãi

Mức lãi suất cho vay ưu đãi do Hội đồng Quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ.

Điều 15. Thời hạn cho vay ưu đãi

1. Thời hạn cho vay (bao gồm thời gian ân hạn và trả nợ gốc) căn cứ vào:

a) Khả năng huy động những nguồn trả nợ của bên vay.

b) Thời hạn thu hồi vốn vay.

2. Thời gian ân hạn trả nợ gốc được tính kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

3. Thời gian cho vay của dự án tối đa không quá 60 tháng, trong đó thời gian ân hạn không quá 12 tháng.

4. Việc áp dụng thời hạn cho vay ưu đãi đối với từng dự án do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định dựa trên đề nghị của Cơ quan điều hành Quỹ và Hội đồng thẩm định.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định cho vay ưu đãi

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ:

- Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với mức vay từ 02 (hai) tỷ đồng đến 03 (ba) tỷ đồng.

- Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với mức vay không quá 02 (hai) tỷ đồng.

Điều 17. Trình tự thực hiện cho vay ưu đãi

1. Khi có nhu cầu vay vốn, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, tài liệu chứng minh đủ điều kiện vay ưu đãi cho cơ quan điều hành Quỹ, bao gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn;

b) Tài liệu chứng minh năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, trách nhiệm dân sự của bên vay vốn:

- Đối với pháp nhân: Quyết định thành lập (nếu pháp luật quy định phải có); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép hành nghề (nếu pháp luật quy định phải có); Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quyết định bổ nhiệm người điều hành, kế toán trưởng; Nghị quyết Hội đồng quản trị giao quyền cho Giám đốc ký kết các tài liệu, thủ tục liên quan đến vay vốn, thế chấp tài sản.

- Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân và hộ khẩu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế thu nhập cá nhân.

- Chủ dự án vay vốn từ lần thứ 2 trở đi không phải gửi các tài liệu trên, trường hợp có sự thay đổi thì bổ sung tài liệu thay đổi.

c) Các tài liệu về báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính (chỉ áp dụng đối với tổ chức) của 02 năm gần nhất (trường hợp hoạt động dưới 02 năm thì báo cáo từ khi hoạt động cho đến thời điểm đề nghị vay vốn), bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Biên bản góp vốn điều lệ (đối với công ty TNHH, cổ phần), Quyết định giao vốn (đối với doanh nghiệp được Nhà nước giao vốn);
- Báo cáo tình hình trích lập, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp năm gần nhất;
- Văn bản xác nhận nghĩa vụ thuế 02 năm gần nhất.

2. Cơ quan điều hành Quỹ

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ vay vốn theo quy định;

b) Thành lập Hội đồng, tổ chức thẩm định;

c) Trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Hội đồng thẩm định

a) Tổ chức họp, xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án, phương án vay vốn, khả năng hoàn trả nợ vay của chủ đầu tư, báo cáo kết quả thẩm định;

b) Đề xuất cụ thể chế độ cho vay

4. Cơ quan điều hành Quỹ

a) Trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thẩm định, Cơ quan điều hành Quỹ xem xét trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định phê duyệt cho vay.

b) Ký kết Hợp đồng tín dụng với bên vay vốn; Giấy nhận nợ và tiến hành giải ngân theo tiến độ dự án.

Hồ sơ làm cơ sở ký hợp đồng vay vốn bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và báo cáo thẩm định cho vay; Quyết định cho vay kèm theo dự án vay vốn.

Điều 18. Thực hiện giải ngân

1. Sau khi bên vay hoàn tất thủ tục ký hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành giải ngân khi bên vay vốn xuất trình được các tài liệu chứng minh về việc sử dụng vốn vay:

- Hồ sơ thanh toán mua máy móc, thiết bị hoặc nhận chuyển giao công nghệ;
- Hồ sơ thanh toán sản xuất thử nghiệm.

2. Vốn vay sẽ được giải ngân theo tiến độ sử dụng vốn được quy định trong Quyết định cho vay. Việc giải ngân giữa kỳ được căn cứ kết quả kiểm tra của Cơ quan điều hành Quỹ hoặc kết luận của Hội đồng giám định thực hiện dự án (trong trường hợp phải giám định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ). Việc giải ngân đợt cuối được căn cứ vào kết luận của Hội đồng nghiệm thu dự án.

3. Số tiền giải ngân phải nằm trong hạn mức cho vay được ký trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với bảng phân khai chi tiết kế hoạch sử dụng vốn. 2

4. Tiền vay được chuyển trả trực tiếp cho đơn vị thụ hưởng (bên cung cấp máy móc thiết bị, dịch vụ,...) theo văn bản bên vay vốn đề nghị Cơ quan điều hành Quỹ.

5. Đối với trường hợp bên vay tự thực hiện, đã dùng vốn tự có hoặc nguồn vốn khác thanh toán trước; sau khi ký hợp đồng tín dụng, Cơ quan điều hành Quỹ sẽ chuyển vốn cho bên vay sau khi bên vay cung cấp đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

Điều 19. Trả nợ gốc và lãi vốn vay

Cơ quan điều hành Quỹ và bên vay thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi vốn vay trong hợp đồng tín dụng như sau:

1. Các kỳ hạn trả nợ gốc; các kỳ hạn trả lãi vốn vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng bằng các hình thức thích hợp, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì Cơ quan điều hành Quỹ chuyển số dư nợ sang nợ quá hạn.

3. Bên vay có thể trả nợ gốc và lãi vay trước kỳ hạn trả nợ ghi trong hợp đồng tín dụng.

Điều 20. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ vay ưu đãi

1. Tối thiểu 01 (một) tháng trước ngày tới hạn, nếu bên vay nhận thấy không thể trả nợ đúng hạn theo lịch trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng do nguyên nhân khách quan thì bên vay phải có văn bản đề nghị điều chỉnh hoặc gia hạn thời gian trả nợ vay gửi cho Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Trường hợp bên vay không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Cơ quan điều hành Quỹ đánh giá có khả năng trả nợ trong kỳ hạn tiếp theo thì Cơ quan điều hành Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay và sẽ ký phụ lục hợp đồng để điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vay.

3. Trường hợp bên vay không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Cơ quan điều hành Quỹ đánh giá bên vay có khả năng trả nợ trong một khoản thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Cơ quan điều hành Quỹ trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định cho gia hạn nợ với thời gian phù hợp với nguồn trả nợ của bên vay nhưng thời gian gia hạn không vượt quá thời hạn cho vay tối đa của từng loại dự án.

4. Trong trường hợp không được chấp thuận việc điều chỉnh, gia hạn trả nợ vay, Cơ quan điều hành Quỹ sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho bên vay đồng thời thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ theo quy định.

Điều 21. Miễn, giảm lãi suất cho vay ưu đãi

Việc miễn, giảm lãi suất cho vay được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

1. Dự án phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (chủ dự án bị chết hoặc mất tích, công trình nghiên cứu bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, tổ chức bị phá sản,...).

2. Bên vay bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay do nguyên nhân khách quan dẫn đến khó khăn về tài chính, không đảm bảo khả năng trả lãi vay.

3. Việc miễn, giảm được thực hiện theo quy định quản lý rủi ro.

Điều 22. Chuyển nợ quá hạn

1. Ngay sau khi đến kỳ hạn trả nợ gốc và không được gia hạn thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi mà không được cơ cấu lại thời gian trả nợ thì Cơ quan điều hành Quỹ tự động cho chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Điều 23 quy định này, lập thông báo nợ quá hạn gửi cho bên vay.

2. Đối với trường hợp bên vay đã gửi văn bản đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và đang trong thời gian xem xét giải quyết, thì tạm hoãn chuyển nợ quá hạn cho đến khi có kết quả giải quyết của Cơ quan điều hành Quỹ, nhưng không quá 60 ngày.

3. Cơ quan điều hành Quỹ đôn đốc yêu cầu bên vay có các biện pháp huy động nguồn vốn để trả nợ cho Quỹ. Nếu bên vay cố tình trì hoãn, không trả nợ thì Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, có thể lập hồ sơ khởi kiện bên vay ra Tòa án để xử lý, trong thời hạn 01 năm tính từ ngày phải hoàn trả nợ vay được ghi trong Hợp đồng tín dụng.

Điều 23. Áp dụng lãi suất đối với nợ quá hạn

1. Trường hợp khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Cơ quan điều hành Quỹ áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

2. Đối với dư nợ quá hạn chuyển theo Khoản 1, Điều 22 quy định này chỉ áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với phần dư nợ gốc của kỳ hạn mà bên vay không trả đúng hạn.

3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trung hạn của Quỹ.

Điều 24. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay ưu đãi

1. Kiểm tra, giám sát vốn vay

Quỹ có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của tổ chức, cá nhân, nhằm đôn đốc thực hiện đúng và đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng:

a) Kiểm tra trước khi cho vay: Là việc thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định;

b) Kiểm tra trong khi cho vay: Là việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của dự án vay vốn, hồ sơ pháp lý, hồ sơ vay vốn và các yếu tố khác,...

c) Kiểm tra sau khi cho vay: Sau khi giải ngân, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Kiểm tra biện pháp tổ chức triển khai và tiến độ thực hiện dự án; đánh giá hiệu quả của dự án;

- Kiểm tra nguồn thu nhập của tổ chức, cá nhân vay; phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp; đánh giá tiến độ và khả năng trả nợ;

- Kiểm tra mức độ thiệt hại của dự án của bên vay khi xảy ra rủi ro bất khả kháng (bão, lũ lụt, cháy nổ, dịch bệnh...).

2. Xử lý vốn vay

Căn cứ vào kết quả kiểm tra và tùy theo mức độ vi phạm của bên vay quyết định xử lý như sau:

a) Tạm ngưng cho vay: Trong trường hợp bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích, cung cấp thông tin sai sự thật;

b) Chấm dứt cho vay: Trong các trường hợp bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, cam kết nhưng không khắc phục, sửa chữa; bên vay ngưng sản xuất có thể dẫn đến phá sản; quá trình tổ chức lại sản xuất không xác định được người chịu trách nhiệm chính trước pháp luật về quan hệ vay vốn và trả nợ;

c) Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ;

- Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Các trường hợp đặc biệt

1. Trong quá trình sử dụng vốn vay để thực hiện dự án, nếu gặp phải sự cố, rủi ro bất thường như thiên tai, hỏa hoạn... bên vay phải kịp thời báo cáo Cơ quan điều hành Quỹ để kiểm tra, xử lý theo quy định.

2. Các dự án đã được cho vay không đúng đối tượng, không đúng quy định, không đảm bảo huy động đủ các nguồn vốn, sử dụng tiền vay sai mục đích, sai chế độ tiêu chuẩn quy định, Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định dừng việc cho vay, thu hồi số tiền vay sử dụng sai mục đích, sai chế độ. Chủ dự án chịu các chế tài xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương IV QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ LÃI VAY

Điều 26. Điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ lãi vay

1. Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1, 2 và 4 Điều 11 quy định này.

2. Việc hỗ trợ lãi vay chỉ thực hiện đối với các dự án đã vay tại các ngân hàng thương mại ở Đắk Lắk.

3. Chủ dự án phải cung cấp đầy đủ hồ sơ vay vốn đang thực hiện và tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi vay.

Điều 27. Nội dung và mức hỗ trợ lãi vay

1. Nội dung

Nội dung các khoản được xem xét hỗ trợ lãi vay như quy định tại Khoản 1 Điều 13 quy định này. Tổng vốn vay được xem xét hỗ trợ lãi vay như quy định tại Khoản 2 Điều 13 quy định này.

2. Mức hỗ trợ lãi vay

Tổng mức hỗ trợ lãi vay một phần hoặc toàn bộ mức lãi suất thực tế đã vay ngân hàng thương mại, nhưng không quá tổng mức lãi suất vay quy định tại Khoản 1 Điều 14 quy định này.

Mức hỗ trợ lãi vay cụ thể do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ, nhưng tổng mức hỗ trợ lãi vay vốn không quá 300 (ba trăm) triệu đồng cho mỗi dự án.

Điều 28. Thời gian hỗ trợ lãi vay vốn

Thời gian hỗ trợ lãi vay vốn cho mỗi dự án tối đa không quá 60 (sáu mươi) tháng. Thời gian hỗ trợ cụ thể do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi vay

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề xuất của Cơ quan điều hành Quỹ:

- Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ trên 200 (hai trăm) triệu đồng đến 300 (ba trăm) triệu đồng cho mỗi dự án;

- Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ không quá 200 (hai trăm) triệu đồng cho mỗi dự án.

Điều 30. Trình tự thực hiện hỗ trợ lãi vay

Thực hiện như trình tự vay vốn quy định tại Điều 17 Quy định này.

Điều 31. Thực hiện hỗ trợ lãi vay

1. Sau khi hoàn tất thủ tục trả lãi cho ngân hàng, chủ dự án gửi văn bản đề nghị hỗ trợ lãi vay kèm chứng từ thu lãi tiền vay của ngân hàng cho vay đến Cơ quan điều hành Quỹ để xin hỗ trợ tiền lãi vay theo mức hỗ trợ đã được Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

2. Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra và thực hiện hỗ trợ lãi vay cho chủ dự án.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

Điều 32. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên vay và Bên nhận hỗ trợ

1. Trách nhiệm của bên vay và nhận hỗ trợ

a) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, bên vay, nhận hỗ trợ phải gửi cho Quỹ báo cáo tiến độ thực hiện dự án, sử dụng vốn vay và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng và các cam kết khác;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay và hỗ trợ;

d) Thông báo kịp thời cho Quỹ về các thay đổi chủ đầu tư, người đại diện hợp pháp hoặc đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ làm việc...

đ) Bên vay phải trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; *z*

e) Khi bên vay thay đổi người đại diện hợp pháp của mình thì người thay thế phải có trách nhiệm kế thừa hoàn toàn đối với khoản nợ gốc và lãi vay cùng những cam kết mà người đại diện hợp pháp trước đó đã cam kết.

g) Khi chuyển quyền sở hữu, chia tách, sát nhập, bên vay phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Quỹ. Trường hợp chưa trả hết nợ gốc và lãi vay thì phải làm thủ tục chuyển nợ gốc và lãi vay cho đơn vị mới nhận nếu được Quỹ đồng ý bằng văn bản. Đại diện hợp pháp của bên vay mới phải nhận toàn bộ nợ gốc và lãi vay, thực hiện đầy đủ những điều khoản mà bên vay cũ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng trước đây;

h) Đối với tài sản hình thành từ vốn vay mà pháp luật có quy định phải mua bảo hiểm thì bên vay phải cam kết mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn khi tài sản đã được hình thành đưa vào sử dụng;

i) Trong trường hợp bên vay bị tuyên bố phá sản, việc giải quyết nợ vay tuân theo Luật phá sản.

2. Quyền hạn của bên vay và nhận hỗ trợ

a) Từ chối các yêu cầu của Quỹ trái với các quy định của Điều lệ Quỹ, các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng hỗ trợ.

b) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ

a) Bảo mật thông tin có liên quan đến hồ sơ của bên vay, nhận hỗ trợ;

b) Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng hỗ trợ;

c) Hướng dẫn lập hồ sơ vay hoặc hỗ trợ, giải ngân kịp thời, tuân thủ đầy đủ các thủ tục theo quy định hiện hành;

d) Lưu giữ hồ sơ tín dụng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy định về lưu trữ, bảo mật, bảo quản hồ sơ của Quỹ.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Yêu cầu bên vay và nhận hỗ trợ cung cấp tài liệu chứng minh hồ sơ pháp lý của bên vay và bên nhận hỗ trợ, hồ sơ pháp lý của dự án, các báo cáo tài chính quý, năm, khả năng tài chính, các thông tin cần thiết liên quan đến việc vay vốn và nhận hỗ trợ;

b) Từ chối yêu cầu vay vốn hoặc hỗ trợ nếu không đủ điều kiện vay vốn và nhận hỗ trợ; dự án vay vốn hoặc nhận hỗ trợ không có hiệu quả, không khả thi hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ vốn vay và lãi vay của bên vay;

d) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn cả gốc và lãi trong các trường hợp sau:

- Bên vay cung cấp thông tin sai sự thật;

- Bên vay sử dụng tiền vay sai mục đích;

- Bên vay giải thể, mất khả năng thanh toán, có quyết định của Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của bên vay;

